

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về điều kiện, thủ tục cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận); hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng và quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty thông tin tín dụng.
2. Tổ chức tham gia.
3. Khách hàng vay.
4. Tổ chức và cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thông tin tín dụng là dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của khách hàng vay tại tổ chức tham gia của công ty thông tin tín dụng.

2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng là việc công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho các đối tượng sử dụng trên cơ sở các hoạt động thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức tham gia của công ty thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia) là tổ chức tự nguyện cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng, bao gồm: tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tổ chức tham gia khác).

4. Khách hàng vay là tổ chức, cá nhân được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng hoặc được tổ chức tham gia khác cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ có điều kiện về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

5. Công ty thông tin tín dụng là doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp để hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định tại Nghị định này. Tên công ty phải có cụm từ “thông tin tín dụng”.

6. Cơ sở hạ tầng thông tin là một tập hợp các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng và hệ thống an ninh bảo mật để tạo lập, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.

7. Thông tin định danh là thông tin định danh khách hàng vay theo quy định của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

8. Thông tin tiêu cực về khách hàng vay là thông tin tín dụng về nợ xấu, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm pháp luật, bị khởi kiện, bị khởi tố và các thông tin bất lợi khác ảnh hưởng đến kết quả đánh giá khách hàng vay.

9. Sản phẩm thông tin tín dụng là báo cáo, ấn phẩm hoặc các hình thức khác mang thông tin tín dụng được công ty thông tin tín dụng tạo ra trên cơ sở thông tin tín dụng thu thập được để cung cấp cho các đối tượng sử dụng.

10. Đối tượng sử dụng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng về việc cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng chỉ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận.

2. Hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng phải tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo tính trung thực, khách quan và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các thỏa thuận, cam kết trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quy định tại Nghị định này phải được lập bằng văn bản hoặc hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương văn bản theo quy định của pháp luật.

4. Công ty thông tin tín dụng chỉ được thu thập thông tin tín dụng của khách hàng vay từ các tổ chức tham gia khi khách hàng vay đồng ý cho tổ chức tham gia

này cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nguyên tắc cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

a) Công ty thông tin tín dụng thực hiện cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này;

b) Công ty thông tin tín dụng chỉ được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức tham gia khác khi khách hàng vay đồng ý cho tổ chức này được sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng do công ty thông tin tín dụng cung cấp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, trừ trường hợp tổ chức này được khách hàng vay đồng ý theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Công ty thông tin tín dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức, cá nhân khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng

1. Sản phẩm thông tin tín dụng được sử dụng cho mục đích quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này. Đối tượng sử dụng không được sửa đổi sản phẩm thông tin tín dụng và tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình khi sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng.

2. Đối tượng sử dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho bên thứ ba, trừ các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

3. Việc sao chép, sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng trong nội bộ đối tượng sử dụng là tổ chức phải đảm bảo phù hợp với nội dung thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng.

Điều 6. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

1. Thu thập, cung cấp trái phép các thông tin thuộc phạm vi, danh mục bí mật của Nhà nước.

2. Cố ý làm sai lệch nội dung thông tin tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Trao đổi thông tin tín dụng, cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng sai đối tượng, sai mục đích, bất hợp pháp.

4. Lợi dụng hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng để tư lợi cá nhân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Cản trở hoạt động thu thập và sử dụng thông tin tín dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Báo cáo hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính; hoặc bằng phương thức điện tử đến Ngân hàng Nhà nước các báo cáo sau:

a) Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật;

b) Báo cáo tình hình hoạt động theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo khi xảy ra sự cố lớn về kỹ thuật đối với cơ sở hạ tầng thông tin (như hỏng, trục trặc về phần cứng, phần mềm; cơ sở dữ liệu, hệ thống mạng, hệ thống an toàn bảo mật bị tấn công và các sự cố khác làm cho cơ sở hạ tầng thông tin của công ty thông tin tín dụng hoạt động bất bình thường) theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Báo cáo khi có một trong những thay đổi sau: người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; số lượng tổ chức tham gia; thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với các tổ chức tham gia; cơ sở hạ tầng thông tin theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện định kỳ theo tháng, quý, năm. Trong đó, báo cáo tháng gửi trước ngày 10 của tháng liền kề sau tháng báo cáo; báo cáo quý gửi trước ngày 20 của tháng liền kề sau quý báo cáo; báo cáo

tài chính theo năm chưa kiểm toán gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính; báo cáo tài chính theo năm được kiểm toán gửi trong thời hạn 90 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính;

b) Báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện định kỳ theo quý, năm. Trong đó, báo cáo quý gửi trước ngày 20 của tháng liền kề sau quý báo cáo; báo cáo tình hình hoạt động theo năm gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm báo cáo;

c) Báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải báo cáo ngay trong ngày xảy ra sự cố. Nếu sự cố xảy ra vào ngày nghỉ hằng tuần hoặc ngày lễ thì báo cáo trong ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ;

d) Báo cáo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Đối với báo cáo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời gian chốt số liệu được xác định theo từng kỳ báo cáo tương ứng với kỳ kế toán theo quy định tại Luật Kế toán;

b) Đối với các báo cáo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, thời gian chốt số liệu báo cáo được xác định theo từng nội dung được yêu cầu báo cáo khi phát sinh hoặc khi có thay đổi.

Điều 8. Thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm:

a) Soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng;

b) Cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng;

c) Thanh tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với công ty thông tin tín dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THAY ĐỔI NỘI DUNG VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 9. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận

1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây:

a) Có tối thiểu 02 đường truyền số liệu, mỗi đường truyền của 01 nhà cung cấp dịch vụ;

b) Có cơ sở hạ tầng thông tin có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống thông tin của tổ chức tham gia;

c) Có hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng vay;

d) Có phương án bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin;

đ) Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc.

2. Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng.

3. Có người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát không phải là người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên, người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người quản lý doanh nghiệp, thành viên

Ban kiểm soát của công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 14 Nghị định này);

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

d) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin;

đ) Thành viên Ban kiểm soát có bằng đại học hoặc trên đại học và có ít nhất 02 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin.

4. Có phương án kinh doanh đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

5. Có tối thiểu 15 tổ chức tham gia là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô). Các tổ chức tham gia không có cam kết cung cấp thông tin tín dụng với công ty thông tin tín dụng khác.

6. Có văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia, trong đó có tối thiểu các nội dung sau:

a) Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp;

b) Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng;

- c) Nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng;
- d) Nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận với khách hàng vay về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng vay;
- đ) Trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác và sử dụng thông tin tín dụng;
- e) Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng;
- g) Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng vay;
- h) Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp;
- i) Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận;
- k) Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng.

Điều 10. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực, không được cấp từ sổ gốc thì công ty thông tin tín dụng xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu; người đối chiếu ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Hồ sơ được nộp tại bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng lập hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Điều lệ của doanh nghiệp (bản sao);

c) Hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng (bản sao);

d) Tài liệu về mức vốn điều lệ (bản sao) gồm: Văn bản chứng minh tương ứng với hình thức góp vốn: Xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về số dư tài khoản đối với tiền mặt; kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp đối với các tài sản góp vốn khác phù hợp với quy định của Luật Giá, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; hoặc báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất so với thời điểm gửi hồ sơ;

đ) Bản kê danh sách và lý lịch của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Phiếu lý lịch tư pháp (bản sao) của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát:

Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì công ty thông tin tín dụng phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có

thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cá nhân đó không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật Việt Nam;

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm công ty thông tin tín dụng nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

g) Phương án kinh doanh theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Văn bản cam kết cung cấp thông tin tín dụng của các tổ chức tham gia theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

i) Văn bản thỏa thuận về cung cấp thông tin, sản phẩm thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tham gia (bản sao).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận bị mất;

b) Giấy chứng nhận bị rách hoặc hư hỏng khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng (trừ trường hợp bị mất).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước thay đổi nội dung Giấy chứng nhận trong trường hợp thay đổi các thông tin sau đây:

- a) Tên công ty thông tin tín dụng;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Vốn điều lệ;
- d) Nơi đặt trụ sở chính;
- đ) Người đại diện theo pháp luật.

2. Công ty thông tin tín dụng lập hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận gửi Ngân hàng Nhà nước khi thay đổi một hoặc một số thông tin tại Giấy chứng nhận, bao gồm:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (bản chính);

c) Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với từng điều kiện quy định tại Nghị định này (bản sao).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi công ty thông tin

tín dụng yêu cầu bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này (Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận); trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 14. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng bị Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

b) Vi phạm nghiêm trọng một trong những hành vi bị cấm quy định tại Điều 6 Nghị định này;

c) Không đảm bảo duy trì các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này sau khi thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Không khai trương hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận;

đ) Công ty thông tin tín dụng thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật;

e) Công ty thông tin tín dụng bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận như sau:

a) Trường hợp công ty thông tin tín dụng vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng căn cứ vào kết luận thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;

b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu công ty thông tin tín dụng xây dựng phương án khắc phục những vi phạm, gửi Ngân hàng Nhà nước và tổ chức thực

hiện trong thời hạn tối đa 12 tháng, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước yêu cầu công ty thông tin tín dụng xây dựng phương án khắc phục.

Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng khi đánh giá công ty thông tin tín dụng chưa khắc phục được những vi phạm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày kết thúc thời gian khắc phục vi phạm theo phương án khắc phục;

c) Trường hợp công ty thông tin tín dụng vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn khai trương hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

d) Trường hợp công ty thông tin tín dụng thực hiện giải thể theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, công ty thông tin tín dụng có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện giải thể doanh nghiệp và gửi kèm các tài liệu có liên quan trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và các tài liệu có liên quan của công ty thông tin tín dụng;

đ) Trường hợp công ty thông tin tín dụng thực hiện tổ chức lại theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, công ty thông tin tín dụng có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp và gửi kèm các tài liệu có liên quan trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua nghị quyết chia công ty hoặc hợp đồng hợp nhất hoặc hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và các tài liệu có liên quan của công ty thông tin tín dụng.

3. Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định này. Công ty thông tin tín dụng phải chấm dứt ngay hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và nộp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận có hiệu lực thi hành.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận có hiệu lực thi hành, Công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận xây dựng phương án xử lý thông tin tín dụng đang lưu giữ tại công ty thông tin tín dụng theo một trong các hình thức sau:

a) Chuyển nhượng cho công ty thông tin tín dụng khác khi được sự đồng ý của các tổ chức tham gia và không vi phạm thỏa thuận với khách hàng vay có thông tin tín dụng. Công ty thông tin tín dụng gửi văn bản thông báo kết quả chuyển nhượng cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc chuyển nhượng;

b) Chuyển giao cho Ngân hàng Nhà nước khi được sự đồng ý của các tổ chức tham gia và không vi phạm thỏa thuận với khách hàng vay có thông tin tín dụng. Việc quản lý, sử dụng thông tin tín dụng được chuyển giao thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước;

c) Tự tổ chức tiêu hủy, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, an toàn, bảo mật thông tin tín dụng được tiêu hủy và gửi văn bản thông báo kết quả tiêu hủy cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc tiêu hủy.

Điều 15. Tổ chức lại công ty thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng thực hiện tổ chức lại theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty thông tin tín dụng mới sau quá trình chia doanh nghiệp; công ty thông tin tín dụng được tách, hợp nhất đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Công ty thông tin tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý; công ty thông tin tín dụng bị tách, nhận sáp nhập đề nghị Ngân hàng Nhà nước thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

4. Công ty thông tin tín dụng bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập được Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 16. Khai trương hoạt động và công bố thông tin về việc cấp, thay đổi nội dung, thu hồi Giấy chứng nhận

1. Trong thời hạn tối đa 12 tháng, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận, công ty thông tin tín dụng phải khai trương hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và gửi văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước về việc khai trương hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày công ty thông tin tín dụng khai trương hoạt động.

2. Công ty thông tin tín dụng thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc cấp, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước, công ty thông tin tín dụng và một tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi đặt trụ sở chính của công ty thông tin tín dụng trong ít nhất 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong ít nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp, chấp thuận thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

3. Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

4. Ngân hàng Nhà nước công bố Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và gửi cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty thông tin tín dụng đặt trụ sở chính.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 17. Quy định nội bộ

1. Căn cứ quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan, công ty thông tin tín dụng xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng, bảo đảm có cơ chế kiểm soát gắn với từng quy trình và phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.

2. Quy định nội bộ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng của công ty thông tin tin dụng tối thiểu có các nội dung sau:

a) Quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, bao gồm cả biện pháp kiểm tra tính hợp lý của các thông tin tin dụng thu thập theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 và quy định về quyền từ chối cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng cho đối tượng sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này;

b) Quy định về bảo mật, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, bao gồm tối thiểu các nội dung về bảo đảm an toàn về mặt vật lý và môi trường lắp đặt; quản lý vận hành và trao đổi thông tin; quản lý truy cập; quản lý sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin của bên thứ ba (nếu có); quản lý sự cố an toàn thông tin; bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống thông tin và kiểm tra nội bộ và chế độ báo cáo;

c) Quy định về phân cấp, phân quyền, trách nhiệm quản lý giám sát của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; bộ phận, cá nhân cụ thể trong việc thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, đặc biệt là quy định quản lý, giám sát liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin tin dụng;

d) Quy định về việc điều chỉnh sai sót đối với thông tin tin dụng, bao gồm tối thiểu các nội dung về quy trình, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc điều chỉnh sai sót và lưu giữ hồ sơ tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh sai sót;

đ) Quy định về việc xử lý thông tin tin dụng trong trường hợp công ty thông tin tin dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này, bao gồm tối thiểu các nội dung về hình thức xử lý; quy trình thực hiện (bao gồm cả cách thức thông báo, lấy sự đồng ý của các tổ chức tham gia); trách nhiệm của bộ phận, cá nhân trong việc tổ chức, thực hiện; giám sát, bảo mật thông tin tin dụng trong quá trình thực hiện.

3. Quy định nội bộ phải được rà soát, đánh giá định kỳ 06 tháng một lần hoặc đột xuất về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật và sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết).

Điều 18. Thu thập thông tin tin dụng

1. Công ty thông tin tin dụng thu thập thông tin tin dụng từ:

- a) Tổ chức tham gia theo cam kết, thỏa thuận cung cấp thông tin tín dụng;
- b) Công ty thông tin tín dụng khác theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng;
- c) Cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Các nguồn thông tin hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin tín dụng được thu thập bao gồm:

a) Thông tin định danh của khách hàng vay, người có liên quan của khách hàng vay theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Thông tin về lịch sử cấp tín dụng, thuê tài sản, mua hàng trả chậm, trả dần, cầm đồ;

c) Thông tin về lịch sử trả nợ, số tiền đã đến hạn hoặc chưa đến hạn, thời hạn phải trả, hạn mức tín dụng, nhóm nợ, việc bán nợ, thực hiện cam kết ngoại bảng và kết quả chấm điểm xếp hạng của khách hàng vay;

d) Thông tin về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay;

đ) Các thông tin liên quan khác bảo đảm không vi phạm quyền hợp pháp của khách hàng vay, không bao gồm thông tin về khách hàng vay thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Thông tin tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này không bao gồm thông tin về việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 19. Xử lý thông tin tín dụng

1. Trên cơ sở nguồn thông tin tín dụng thu thập và lưu giữ, công ty thông tin tín dụng tiến hành phân tích, đánh giá, tổng hợp thông tin để tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng.

2. Quá trình kiểm tra, phân loại, cập nhật thông tin tín dụng phải đảm bảo không làm sai lệch tính chất, nội dung thông tin tín dụng.

3. Thông tin tiêu cực về khách hàng vay chỉ được sử dụng để tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng trong thời gian tối đa 05 năm, kể từ ngày kết thúc thông tin tiêu cực đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 20. Lưu giữ thông tin tín dụng

1. Thông tin tín dụng phải được lưu giữ an toàn, bảo mật, phòng tránh các sự cố, thảm họa có thể xảy ra và ngăn chặn sự xâm nhập, truy cập bất hợp pháp từ bên ngoài.

2. Thông tin tín dụng được lưu giữ tối thiểu trong 05 năm, kể từ ngày công ty thông tin tín dụng thu thập.

Điều 21. Cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho các đối tượng sử dụng sau đây:

a) Tổ chức tham gia để phục vụ cho nhu cầu tìm kiếm khách hàng vay, đánh giá khách hàng vay và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Khách hàng vay được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng về chính khách hàng vay để sử dụng vào mục đích hợp pháp của khách hàng vay;

c) Công ty thông tin tín dụng khác để thu thập thông tin tín dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định này cho hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng;

d) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ việc quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức, cá nhân khác để phục vụ cho các mục đích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi có thỏa thuận với đối tượng sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này, công ty thông tin tín dụng được quyền từ chối cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng và có văn bản thông báo lý do từ chối (kèm các tài liệu có liên quan nếu có) cho đối tượng sử dụng trước khi dừng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng ít nhất 20 ngày làm việc trong trường hợp phát hiện đối tượng sử dụng vi phạm thỏa thuận đã ký kết, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 22. Điều chỉnh sai sót đối với thông tin tín dụng của khách hàng vay

1. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty thông tin tín dụng phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và tự thực hiện điều chỉnh sai sót theo quy định nội bộ của công ty thông tin tín dụng;

b) Tổ chức tham gia phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng phải có văn bản thông báo kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới tổ chức tham gia trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của tổ chức tham gia;

c) Khách hàng vay phát hiện thông tin tín dụng có sai sót và gửi công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức tham gia văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng hoặc tổ chức tham gia phải có văn bản thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý và kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác tới khách hàng vay trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót theo đề nghị của khách hàng vay như sau:

a) Trường hợp sai sót phát sinh do quá trình xử lý thông tin của công ty thông tin tín dụng thì công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay;

b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng xác định sai sót phát sinh từ thông tin thu thập tại tổ chức tham gia, công ty thông tin tín dụng thực hiện thông báo cho khách hàng vay về quá trình xử lý (trong đó nêu rõ nguồn phát sinh sai sót) trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc và phối hợp với tổ chức tham gia điều chỉnh sai sót trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng vay.

3. Trường hợp khách hàng vay không nhận được văn bản trả lời trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này hoặc không đồng ý với nội dung văn bản trả lời của công ty thông tin tín dụng, khách hàng vay có quyền yêu cầu hòa giải hoặc tiến hành các thủ tục khởi kiện ra trọng tài hoặc tòa án theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng sử dụng

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của công ty thông tin tín dụng

1. Quyền của công ty thông tin tín dụng

a) Trao đổi thông tin tín dụng với các công ty thông tin tín dụng khác phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân về việc thu thập, cung cấp thông tin tín dụng và thu tiền cung cấp các sản phẩm thông tin tín dụng theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của công ty thông tin tín dụng

a) Đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện, nội dung của hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng trong suốt quá trình hoạt động;

b) Khuyến cáo để đối tượng sử dụng biết về nguyên tắc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng;

c) Phối hợp với tổ chức tham gia phát hiện, xử lý sai sót về thông tin tín dụng; giải quyết văn bản điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng theo yêu cầu của khách hàng vay;

d) Niêm yết công khai mức giá cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng theo quy định Luật Giá và pháp luật có liên quan;

đ) Công bố thông tin theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia

1. Được quyền sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng từ công ty thông tin tín dụng theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của tổ chức tham gia

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng;

b) Phối hợp với công ty thông tin tín dụng phát hiện, xử lý sai sót thông tin tín dụng đã thu thập, lưu giữ và cung cấp; giải quyết văn bản điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng vay.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng vay

1. Quyền của khách hàng vay

a) Được công ty thông tin tín dụng cung cấp miễn phí tối thiểu 01 lần trong một năm về thông tin tín dụng của chính khách hàng vay (nếu có yêu cầu);

b) Được yêu cầu công ty thông tin tín dụng xem xét, điều chỉnh nội dung thông tin tín dụng của chính khách hàng vay nếu phát hiện sai sót và thông báo kết quả việc điều chỉnh những sai sót (nếu có) cho tổ chức tham gia.

2. Khách hàng vay có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin tín dụng của chính khách hàng vay cho tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xử lý văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của chính khách hàng vay.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, quy định tại khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 4 Nghị định này không có hiệu lực trở về trước đối với việc thu

thập thông tin tín dụng, cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.

2. Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, công ty thông tin tín dụng đã thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải gửi Ngân hàng Nhà nước báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện cấp Giấy chứng nhận quy định tại Điều 9 Nghị định này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với nội dung báo cáo.

a) Trường hợp đáp ứng các điều kiện, công ty thông tin tín dụng được tiếp tục thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng đã được Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp không đáp ứng một hoặc một số các điều kiện, công ty thông tin tín dụng phải báo cáo kế hoạch thực hiện để đáp ứng các điều kiện trong thời hạn tối đa 24 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Công ty thông tin tín dụng đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này sau khi kết thúc thời hạn theo kế hoạch, được tiếp tục thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng đã được Ngân hàng Nhà nước cấp và quy định tại Nghị định này.

Công ty thông tin tín dụng không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này sau khi kết thúc thời hạn theo kế hoạch, Ngân hàng Nhà nước thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các công ty thông tin tín dụng đã thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải ban hành quy định nội bộ theo quy định tại Điều 17 Nghị định này và gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước.

4. Đối với các thỏa thuận, cam kết được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, công ty thông tin tín dụng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận, cam kết đã ký kết cho đến hết thời hạn theo thỏa thuận, cam kết và không

được gia hạn. Việc sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận, cam kết này chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2021.
2. Bãi bỏ Điều 4 Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng; Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty thông tin tín dụng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái

Phụ lục I

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

**NỘI DUNG VĂN BẢN THỎA THUẬN CUNG CẤP THÔNG TIN
TÍN DỤNG CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, tổ chức tham gia và khách hàng vay cùng bàn bạc, thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận để thực hiện cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng với những nội dung tối thiểu như sau *(02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật)*:

1. Bên A: Bên sở hữu thông tin tín dụng

a) Đối với khách hàng vay là cá nhân gồm các thông tin: Họ tên; số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu; nơi cư trú; số điện thoại/fax/email.

b) Đối với khách hàng vay là tổ chức gồm các thông tin: Tên tổ chức; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

2. Bên B: Tổ chức tham gia gồm các thông tin: Tên tổ chức; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

3. Nội dung thỏa thuận gồm:

a) Bên A đồng ý cho Bên B cung cấp thông tin tín dụng của Bên A tại Bên B cho công ty thông tin tín dụng mà Bên B đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia).

b) Bên B có trách nhiệm thông báo với Bên A thông tin về công ty thông tin tín dụng tại điểm a khoản này (bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông tin khác liên quan) ít nhất tại mốc thời gian sau:

- Tại thời điểm ký kết văn bản thỏa thuận này (nếu có thông tin);

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B cam kết cung cấp thông tin tín dụng với một công ty thông tin tín dụng.

c) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp và việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của Bên B cho công ty thông tin tín dụng (*đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan*).

d) Khi công ty thông tin tín dụng (tại điểm b khoản này) bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên B sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên A cho công ty thông tin tín dụng và Bên A đồng ý thông tin tín dụng của Bên A tại công ty thông tin tín dụng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Bên B có trách nhiệm thông báo với Bên A về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên A trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B nhận được thông báo của công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

đ) Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa 02 Bên.

Phụ lục II

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

**NỘI DUNG VĂN BẢN THỎA THUẬN VỀ VIỆC CÔNG TY THÔNG TIN
TÍN DỤNG CUNG CẤP SẢN PHẨM THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan, tổ chức tham gia và khách hàng vay cùng bàn bạc, thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận về việc công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của khách hàng vay cho tổ chức tham gia với những nội dung tối thiểu như sau (*02 Bên có thể thỏa thuận bổ sung các nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật*):

1. Bên A: Bên sở hữu thông tin tín dụng

a) Đối với khách hàng vay là cá nhân gồm các thông tin: Họ tên; số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu; nơi cư trú; số điện thoại/fax/email.

b) Đối với khách hàng vay là tổ chức gồm các thông tin: Tên tổ chức; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

2. Bên B: Bên có nhu cầu được cung cấp thông tin tín dụng gồm các thông tin: Tên tổ chức; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); nơi đặt trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật.

3. Nội dung thỏa thuận gồm các nội dung sau:

a) Bên A đồng ý cho Bên B được công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên A (*thông tin công ty thông tin tín dụng gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

b) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp, việc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh của Bên A được công ty thông tin tín dụng cung cấp (*đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan*).

4. Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa 02 Bên.

Phụ lục III
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY
THÔNG TIN TÍN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
(Quý... Năm...) hoặc (Năm...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

1. Danh mục, cơ cấu sản phẩm.
2. Danh sách chi tiết nguồn thu thập thông tin.
3. Danh sách các tổ chức tham gia cam kết cung cấp thông tin.
4. Phân loại và số lượng khách hàng vay theo từng nhóm khách hàng vay.
5. Số lượng sản phẩm cung cấp cho từng nhóm đối tượng sử dụng.
6. Tình hình vận hành thiết bị công nghệ, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu.
7. Nội dung khác (nếu có).

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV**MẪU BÁO CÁO SỰ CỐ TIN HỌC/THAY ĐỔI THÔNG TIN**

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

**TÊN CÔNG TY
THÔNG TIN TÍN DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO SỰ CỐ TIN HỌC/THAY ĐỔI THÔNG TIN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

I. THÔNG TIN VỀ SỰ CỐ TIN HỌC/HOẶC THAY ĐỔI THÔNG TIN**1. Mô tả sự cố/hoặc nội dung thay đổi thông tin**

- Mô tả sự cố về hư hỏng, trục trặc về phần mềm, phần cứng; hệ thống mạng bị tấn công... khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, hoạt động bất bình thường.

- Nội dung thay đổi: người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa Công ty thông tin tín dụng với các tổ chức tham gia đã cam kết; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin.

- Nội dung khác (nếu có).

2. Biện pháp xử lý:**II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

**DOANH NGHIỆP... (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số.../...../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, doanh nghiệp...(1) đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có):.....

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Tên giao dịch (nếu có):.....

2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

3. Người đại diện theo pháp luật:..... Chức danh:.....

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax, email:.....

5. Nội dung hoạt động:.....

6. Vốn điều lệ:.....

7. Tài khoản phong tỏa đã mở tại Ngân hàng thương mại chi nhánh.....

- Số hiệu tài khoản:.....

- Số vốn đã gửi:.....

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện khai trương hoạt động và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

Liệt kê các giấy tờ quy định
tại Điều 11 Nghị định này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên công ty thông tin tín dụng.

Phụ lục VI
MẪU BẢN KÊ DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ LÝ LỊCH TÓM TẮT

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

DOANH NGHIỆP... (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ và tên (2) | Chức danh (3) |
|-----|---------------|--|
| 1 | | Chủ tịch hội đồng... |
| 2 | | Thành viên hội đồng... |
| 3 | | Tổng giám đốc |
| 4 | | Phó Tổng giám đốc |
| 5 | | Trưởng Ban kiểm soát |
| 6 | | Thành viên Ban kiểm soát |
| ... | | Các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ |

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Đính kèm:

Bản lý lịch tóm tắt của các cá nhân trong danh sách theo hướng dẫn tại Mẫu này.

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tin dụng.
- (2) Danh sách người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm nộp hồ sơ.
- (3) Chức danh của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát tại công ty thông tin tin dụng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TÓM TẮT

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.....
- Họ và tên thường gọi.....
- Bí danh.....
- Ngày tháng năm sinh.....
- Nơi sinh.....
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có).....
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân/căn cước công dân; Nơi ở hiện nay.....
- Số chứng minh thư/căn cước công dân, nơi cấp, ngày cấp hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác.....
- Tên và địa chỉ tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần).

Ảnh hộ chiếu
(4 x 6)

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm và bản sao văn bằng, chứng chỉ).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính (kèm tài liệu chứng minh chức vụ và thời gian làm việc phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này).

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại công ty thông tin tín dụng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,....., cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng... (1)

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi đầy đủ họ tên)

Ghi chú: Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục VII
MẪU PHƯƠNG ÁN KINH DOANH
(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

DOANH NGHIỆP... (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH

Căn cứ Nghị định số.../...../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, doanh nghiệp (1)... lập Phương án kinh doanh hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng như sau:

1. Sự cần thiết thành lập công ty.
2. Tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động (không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng).
3. Cơ cấu người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát
 - a) Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của công ty;
 - b) Nhân sự dự kiến của các chức danh của từng cá nhân là người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát.
4. Năng lực quản lý rủi ro
 - a) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro hoạt động, rủi ro đạo đức, rủi ro thị trường);
 - b) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng.
5. Cơ sở hạ tầng thông tin
 - a) Danh mục và bản thuyết minh cho cơ sở hạ tầng thông tin;
 - b) Dự kiến đầu tư tài chính cho cơ sở hạ tầng thông tin;
 - c) Mô tả khả năng áp dụng công nghệ thông tin, loại hình công nghệ dự kiến áp dụng trong quá trình hoạt động từ khâu thu thập, xử lý thông tin, tạo lập sản phẩm thông tin đến truyền đưa, lưu giữ dữ liệu thông tin; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin;
 - d) Hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để sắp xếp, mã hóa cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu;

đ) Hệ thống dự phòng thảm họa có thể bảo đảm duy trì mọi hoạt động công nghệ thông tin của công ty thông tin tin dụng khi xảy ra sự cố với thời gian gián đoạn ngắn nhất.

6. Khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tin dụng, tạo lập và cung cấp sản phẩm thông tin tin dụng

a) Dự kiến về nguồn, phạm vi, phương thức thu thập thông tin; các tổ chức, cá nhân đã cam kết cung cấp thông tin và khả năng duy trì, phát triển các đơn vị cung cấp thông tin;

b) Các sản phẩm dự kiến cung cấp, đối tượng sử dụng và khả năng duy trì, phát triển đối tượng sử dụng sản phẩm;

c) Mô tả quy trình xử lý thông tin thu thập được để tạo lập cơ sở dữ liệu; quy trình tạo lập, cung cấp sản phẩm tin tin dụng; lưu giữ dữ liệu, sản phẩm thông tin tin dụng.

7. Khả năng đứng vững và phát triển của công ty trên thị trường

a) Phân tích và đánh giá thị trường thông tin tin dụng (thực trạng, thách thức và triển vọng);

b) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của công ty, trong đó chứng minh được lợi thế của công ty khi tham gia thị trường;

c) Chiến lược của công ty trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các sản phẩm thông tin tin dụng (phân tích rõ các sản phẩm dự kiến công ty sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...).

8. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh trong 03 năm đầu (trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, việc bảo toàn vốn điều lệ, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động) và thuyết minh khả năng thực hiện kế hoạch trong từng năm.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

- Các giấy tờ tài liệu chứng minh tính khả thi của Phương án kinh doanh.

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tin dụng.
- Ngoài các nội dung tối thiểu trên, doanh nghiệp có thể trình bày thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VIII
MẪU CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG
CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..... ngày... tháng... năm...

CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG
CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG

Căn cứ Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng; xét khả năng và nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin tín dụng giữa các bên, (tên tổ chức tham gia...) cam kết:

1. Không phải là tổ chức tham gia của các công ty thông tin tín dụng khác tính đến thời điểm ký cam kết.

2. Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời các thông tin tín dụng về khách hàng vay tại (tên tổ chức tham gia...) cho (tên công ty thông tin tín dụng...) theo văn bản thỏa thuận số... giữa các bên về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng, khi (tên công ty thông tin tín dụng...) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

3. Không cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng vay tại (tên tổ chức tham gia...) cho các công ty thông tin tín dụng khác.

4. Cam kết cung cấp thông tin này hết hiệu lực trong trường hợp (tên công ty thông tin tín dụng...) không được cấp Giấy chứng nhận, hoặc công ty thông tin tín dụng chấm dứt hoạt động, hoặc theo sự thỏa thuận giữa các bên.

(Tên tổ chức tham gia...) cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thỏa thuận giữa các bên, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC THAM GIA

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Ngoài những nội dung tối thiểu trên, tổ chức tham gia có thể bổ sung thêm những nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục IX

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG
(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Công ty thông tin tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng (Giấy chứng nhận) phải:

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận trong suốt thời gian hoạt động và không được kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào khác.
2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận.
3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận.
4. Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị rách hoặc hư hỏng khác.
5. Đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận này. Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận này (nếu có).
6. Nộp lại Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng hoặc khi có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.
7. Giấy chứng nhận này tự động hết hiệu lực khi công ty thông tin tín dụng bị phá sản theo quy định pháp luật./.

- Trang 4 -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH
VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG

Cấp lần đầu số..., ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ..., ngày... tháng... năm... (nếu có) ⁽¹⁾

Số: .../ NHNN-GCN

- Trang 1 -

| | |
|---|--|
| <p>NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VIỆT NAM</p> <p>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);</p> <p>Căn cứ Nghị định số.../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng;</p> <p>Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng...;</p> <p>Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.</p> | <p>ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG</p> <p>Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này theo quy định tại Nghị định số.../.../ND-CP ngày.../.../... của Chính phủ quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.</p> <p>Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số... ngày... (với trường hợp cấp lại).</p> <p>Giấy chứng nhận này được lập thành 03 bản gốc; 01 bản cho (tên doanh nghiệp); 02 bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>Ngày... tháng... năm... THÔNG ĐỐC (Ký tên và đóng dấu)</p> <p>Ghi chú: Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng quy định tại Điều 12 Nghị định này, Giấy chứng nhận bổ sung thêm các thông tin sau: (1): Cấp lại lần thứ (N ≥ 1) kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận lần đầu tiên. (2): Thông tin Giấy chứng nhận lần đầu tiên hoặc Giấy chứng nhận cấp lại lần thứ N-1 so với điểm (1).</p> |
| <p>CHỨNG NHẬN:</p> <p>1. Tên công ty thông tin tín dụng:.....</p> <p>Tên đối ngoại (nếu có):.....</p> <p>Tên viết tắt (nếu có):.....</p> <p>2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do.... cấp ngày... 3. Vốn điều lệ:..... (bằng chữ.....)</p> <p>4. Nơi đặt trụ sở chính:.....</p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật:.....; chức danh.....</p> <p>Quốc tịch:..... số CMND/CCCD/hộ chiếu:.....</p> | <p>- Trang 3 -</p> |
| <p>- Trang 2 -</p> | <p>- Trang 3 -</p> |

Phụ lục X

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG
DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**
*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

DOANH NGHIỆP... (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG
DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số.../...../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng, Công ty thông tin tín dụng...⁽¹⁾ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp lại/thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:.....
2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số... cấp lần đầu ngày.... tháng... năm... (số... cấp lại lần thứ... ngày... tháng... năm...).
4. Người đại diện theo pháp luật:..... Chức danh:.....
5. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:.....
6. Lý do, sự cần thiết làm đơn đề nghị:.....
7. Cam kết trước pháp luật

- Chúng tôi cam kết tiếp tục duy trì và đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ công ty thông tin tín dụng...(1)...

- Chúng tôi cam kết những thông tin tại đơn đề nghị là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với những thông tin này.

Sau khi được cấp lại/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

Hồ sơ đính kèm:

- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tin dụng.

Phụ lục XI
MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI NỘI DUNG
TẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi nội dung về...(1)... của Công ty thông tin tín dụng...(2)...

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng;

Xét hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng...;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi một số nội dung tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số.../NHNN-GCN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (2)... (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận)

1. Nội dung... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

2. Nội dung... tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số.../NHNN-GCN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (2)...

Điều 3. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

Điều... (3)...

Điều... Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng...(2)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
- BLĐ NHNN;
- Lưu: VP,....

THÔNG ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Nội dung đề nghị thay đổi.
- (2) Tên công ty thông tin tín dụng.
- (3) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận.

Phụ lục XII**MẪU QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THÔNG TIN TÍN DỤNG**

*(Kèm theo Nghị định số 58/2021/NĐ-CP
ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ)*

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng
dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng...(1)...**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có);

Căn cứ Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng;

Căn cứ.....(2).....

Xét đề nghị..... của công ty thông tin tín dụng (1)... (nếu có);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng số.../NHNN-GCN ngày... tháng... năm... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Công ty thông tin tín dụng (1)... (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận).

Quyết định số.../QĐ-NHNN ngày... tháng... năm... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thay đổi nội dung về... của Công ty thông tin tín dụng (1)... hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này được ban hành.

Điều 2. Vụ Truyền thông, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng (1)... theo quy định tại Điều 16 Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

Điều 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Công ty thông tin tín dụng...(1)... thực hiện nộp lại Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 4. Công ty thông tin tín dụng...(1)... chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo phương án đã xây dựng và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kết quả thực hiện theo quy định tại Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và pháp luật có liên quan.

Điều... (3)...

Điều... Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều... Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng...(5)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BLĐ NHNN;
- Lưu: VP,....

THÔNG ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên công ty thông tin tín dụng.
- (2) Cơ sở thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận (dựa vào từng trường hợp thu hồi quy định tại Điều 14 Nghị định này để xác định).
- (3) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thu hồi.